

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2024/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 11 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI KHÓA XIX - KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 112/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm; Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 21/2021/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 83/TTr-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài,

giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái; Báo cáo thẩm tra số 128/BC-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài và học sinh, sinh viên tham gia chương trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài, giai đoạn 2024 - 2026 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thường trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ đủ 12 tháng trở lên đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bao gồm:

a) Người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng dài hạn (từ 01 năm trở lên) ký với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện thỏa thuận quốc tế; doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài được cấp có thẩm quyền thẩm định đủ điều kiện pháp lý.

b) Người lao động đi làm việc thời vụ ở nước ngoài ngắn hạn (dưới 01 năm) theo Nghị quyết của Chính phủ về đưa người lao động đi làm việc thời vụ theo hình thức hợp tác giữa các địa phương của hai nước.

2. Học sinh, sinh viên thường trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái từ đủ 12 tháng trở lên thuộc diện trao đổi theo các chương trình hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài.

3. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong và ngoài tỉnh, Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Yên Bái trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Người lao động nếu thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương (bao gồm hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ; chi phí ăn ở, đi lại; chi phí làm các thủ tục xuất cảnh và hỗ trợ vay vốn) bằng với chính sách hỗ trợ của tỉnh thì không hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị quyết này.

2. Đối với các đối tượng không thuộc diện hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương thì được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

3. Đối với các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ của Trung ương nhưng mức hỗ trợ thấp hơn chính sách quy định tại Nghị quyết này thì được hỗ trợ bổ sung để đảm bảo bằng mức hỗ trợ theo chính sách quy định tại Nghị quyết này.

4. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần chính sách hỗ trợ của tỉnh. Trường hợp người lao động đã nhận hỗ trợ chi phí tại Điều 4 nhưng không tham gia đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng hoặc không tham gia chương trình hợp tác đào tạo có trách nhiệm hoàn trả ngân sách nhà nước (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng).

5. Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh Yên Bái trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chủ trì, làm đầu mối tiếp nhận kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ; chi phí ăn ở, đi lại; chi phí làm các thủ tục xuất cảnh. Ngân hàng Chính sách xã hội là cơ quan chủ trì hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài vay vốn theo quy định.

Điều 4. Mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ

1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ như sau:

a) Đào tạo nghề: Theo mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo nghề nhưng tối đa không quá 4.000.000 đồng/người/khóa học.

b) Đào tạo ngoại ngữ: Theo mức học phí thực tế của từng khóa học và thời gian học nhưng tối đa không quá 4.000.000 đồng/người/khóa học.

c) Tiền ăn, sinh hoạt phí trong thời gian đào tạo: 40.000 đồng/người/ngày thực học; tối đa 3.120.000 đồng/người/khóa học.

d) Tiền ở trong thời gian đào tạo: 400.000 đồng/người/tháng; tối đa 1.200.000 đồng/người.

đ) Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân (quần áo đồng phục, chăn, màn, giày dép và đồ dùng cá nhân liên quan): 600.000 đồng/người.

e) Tiền đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi thường trú đến địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên: 300.000 đồng/người.

g) Chi phí làm thủ tục cấp hộ chiếu/giấy thông hành/giấy phép xuất cảnh: Tối đa không quá 200.000 đồng/người.

h) Chi phí cấp phiếu lý lịch tư pháp (chi cho đối tượng không được miễn phí theo quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp): Tối đa không quá 200.000 đồng/người.

i) Chi phí làm thủ tục xin cấp thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động; tối đa không quá 4.000.000 đồng/người.

k) Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài; tối đa không quá 750.000 đồng/người.

2. Đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng hỗ trợ theo quy định tại điểm b, điểm g, điểm h, điểm i và điểm k khoản 1 Điều này.

3. Hỗ trợ bổ sung chi phí đào tạo nghề và đào tạo ngoại ngữ cho các đối tượng đã được hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định, gồm:

a) Hỗ trợ đào tạo nghề:

Hỗ trợ với mức tối đa không quá 1.500.000 đồng/người/khóa học đối với lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo ngoài mức tối đa 2.500.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 và khoản 2 Điều 69 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng.

Hỗ trợ với mức tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/khóa học đối với lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp ngoài mức tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

b) Hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ:

Hỗ trợ với mức tối đa không quá 1.200.000 đồng/người/khóa học đối với lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ cận nghèo đang sinh sống trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; người lao động thuộc hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn huyện nghèo ngoài mức tối đa không quá 2.800.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 và khoản 2 Điều 69 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

Hỗ trợ với mức tối đa không quá 2.000.000 đồng/người/khóa học đối với lao động khác sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo ngoài mức tối đa 2.000.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách trung ương theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Thông tư số 55/2023/TT-BTC.

Hỗ trợ với mức tối đa không quá 1.000.000 đồng/người/khóa học đối với lao động là thân nhân của người có công với cách mạng, người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp ngoài mức tối đa 3.000.000 đồng/người/khóa học đã hỗ trợ từ ngân sách Trung ương theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

4. Phương thức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đào tạo nghề và ngoại ngữ

Hỗ trợ đào tạo nghề và ngoại ngữ theo cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc doanh nghiệp hoạt động dịch vụ, tổ chức sự nghiệp công lập đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài được đặt hàng, giao nhiệm vụ đào tạo nghề, ngoại ngữ có trách nhiệm chi hỗ trợ cho người lao động trong thời gian đào tạo theo mức hỗ trợ quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này. Việc hỗ trợ được thực hiện trước khi người lao động được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp (đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này) hoặc người lao động đã ký hợp đồng với chủ sử dụng lao động theo thỏa thuận hợp tác giữa các địa phương của hai nước (đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này). Trường hợp các đơn vị không đủ điều kiện đào tạo, hoặc không lựa chọn được đơn vị thực hiện dịch vụ hoặc người lao động đã hoàn thành các khóa học từ trước đó thì hỗ trợ trực tiếp cho người lao động khi đủ điều kiện xuất cảnh đi làm việc ở nước ngoài trên cơ sở các hóa đơn, chứng từ thực tế hợp pháp.

b) Hỗ trợ chi phí làm thủ tục xuất cảnh

Hỗ trợ các khoản chi phí làm thủ tục xuất cảnh quy định tại điểm g, h, i, k khoản 1 Điều này cho người lao động; học sinh, sinh viên theo hoá đơn hoặc biên lai thu tiền thực tế hợp pháp khi người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp hoặc người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này đã ký hợp đồng với chủ sử dụng lao động theo thỏa thuận hợp tác giữa các địa phương của hai nước hoặc học sinh, sinh viên thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này đã được phía đối tác thông báo chấp thuận tham gia Chương

trình hợp tác đào tạo giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh với các trường cao đẳng, đại học nước ngoài.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài

1. Nguyên tắc cho vay: Đúng đối tượng, bảo toàn vốn, công khai, minh bạch, hiệu quả.

2. Điều kiện và mức cho vay vốn

a) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp: Được vay tối đa 100 triệu đồng

b) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này khi được phía nước ngoài chấp nhận vào làm việc và đã ký hợp đồng với chủ sử dụng lao động: Được vay tối đa 40 triệu đồng.

3. Thời hạn vay vốn:

Thời hạn vay vốn không vượt quá thời hạn ghi trong hợp đồng ký kết giữa người lao động và các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

4. Lãi suất vay vốn, nợ quá hạn: Lãi suất vay vốn bằng lãi suất vay vốn đối với hộ nghèo do Chính phủ quy định từng thời kỳ; lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay vốn.

5. Phương thức cho vay: Ngân hàng Chính sách xã hội cho các đối tượng đủ điều kiện vay trực tiếp tại Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Yên Bái hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện nơi người lao động thường trú.

6. Thủ tục, quy trình cho vay: Thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn về nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

7. Phí uỷ thác: Bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

8. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay, xử lý nợ bị rủi ro: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và các văn bản pháp luật có liên quan.

9. Thu hồi vốn uỷ thác: Nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để hỗ trợ tín dụng ưu đãi đối với người lao động đi làm

việc ở nước ngoài được thực hiện cơ chế cho vay quay vòng và thu hồi, hoàn trả về ngân sách địa phương sau khi kết thúc thời hạn vay vốn của người lao động.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 11 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 21 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận: *He*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm điều hành thông minh;
- Lưu: VT, VHXH.

CHỦ TỊCH



Tạ Văn Long